TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 25/4/2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quyến

Ông Trương Hoài Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2022/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và tài sản chung"*.

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số 64/2022/HNGĐ-ST ngày 31/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: ấp L, xã T1, huyện P, TP. Cần Thơ.

- Đại diện theo ủy quyền: ông Trương Văn H, sinh năm 1994. Có mặt.

Địa chỉ: L2-21 đường số 8, khu tái định cư T2, phường H1, quận C1, TP. Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 09/11/2021).

* *Bị đơn*: Ông Huỳnh Phúc D, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: số 26 C, khóm 2, phường 2, TP. B, tỉnh Bạc Liêu. Đăng ký tạm trú: ấp L, xã T1, huyện P, TP. Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: ấp T3, xã T4, huyện P2, tỉnh Hậu Giang. Địa chỉ liên hệ: B24, đường A7, khu TĐC P3, KV T5, phường P4, quận C1, TP. Cần Thơ.

- Đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Hà A, sinh năm 1993. Có mặt.

Địa chỉ: B24 đường A7, khu tái định cư P3, KV T5, phường P4, quận C1, TP. Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 19/9/2022).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị H2 – Công ty luật TNHH T6– Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (Xin xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày và yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông D tự nguyện kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ ngày 14/6/2018.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống và ông D không quan tâm đến vợ con. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: có 01 con tên Huỳnh Ngọc Đ (nữ), sinh ngày 26/12/2018. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông D cấp dưỡng 3.500.000đ/tháng đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – ông Huỳnh Phúc D trình bày:

Về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn như bà Nguyễn Thị T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vả. Ông D mong muốn hàn gắn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con như bà T trình bày. Trường hợp Tòa án chấp nhận cho ly hôn thì ông D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông bà có tạo lập được tài sản là nhà và đất theo giấy chứng nhận QSDĐ số CR819092, số vào sổ CS03808, tại thửa 1444, TBĐ 05, diện tích 50m^2, loại đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại ấp L, xã T1, huyện P, TP. Cần Thơ. Ông D yêu cầu được chia đôi tài sản.

Về nợ chung: ông D trình bày có nợ 520.000.000 đồng, ngày 09/9/2022 ông D đã rút lại yêu cầu đối với phần nợ chung này.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2022/HNGĐ-ST ngày 31/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã quyết định:

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Huỳnh Phúc D.

3/ Về con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc Đ (nữ), sinh ngày 26/12/2018 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) đến khi con tròn 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông D không ai có quyền ngăn cản.

4/ Về tài sản chung: Giao cho bà Nguyễn Thị T được toàn quyền sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 1444, TBĐ 05, theo giấy chứng nhận QSDĐ số CR819092, số vào sổ CS03808, diện tích 50m^2, loại đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại ấp L, xã T1, huyện P, TP. Cần Thơ do Sở Tài nguyên và môi trường cấp ngày 11/9/2019, chỉnh lý chuyển nhượng sang tên ông Huỳnh Phúc D và bà Nguyễn Thị T ngày 26/3/2021. Bà T có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Phúc D số tiền 458.890.000đ (bốn trăm năm mươi tám triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng).

5/ Về nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo ngày 08/11/2022, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, xem xét công sức đóng góp tạo lập tài sản, cải tạo sửa chữa nhà của bà và xác định mức cấp dưỡng sau khi ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi và yêu cầu chia tài sản chung theo công sức đóng góp trong đó nguyên đơn được hưởng 6 phần, còn bị đơn được hưởng 4 phần trong tổng giá trị nhà và đất.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời gian luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn thì nhận thấy: Cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, bà T kháng cáo nhưng cũng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật TTDS không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Phúc D xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và tuân thủ đúng quy định pháp luật về đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, nên bà Nguyễn Thị T muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Huỳnh Phúc D. Trong quá trình giải quyết cả hai đã thống nhất với nhau về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung nhưng không thỏa thuận được với nhau về tài sản chung và phần cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

Sau khi án sơ thẩm xử, bị đơn ông Huỳnh Phúc D không có đơn kháng cáo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo yêu cầu xem xét công sức đóng góp, cải tạo của bà đối với phần tài sản chung và xem xét cấp dưỡng nuôi con.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị T:

[2.1]. Đối với phần tài sản:

Qua các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ đã cho thấy các đương sự trình bày thống nhất về tài sản chung là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 1444, TBĐ 05 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR819092, số vào sổ CS03808, diện tích 50m^2, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp L, xã T1, huyện P, thành phố Cần Thơ do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 11/9/2019 chỉnh lý chuyển nhượng cho ông Huỳnh Phúc D và bà Nguyễn Thị T. Tuy nhiên, bà T cho rằng tài sản này có nguồn gốc từ tài sản của cha mẹ bà cho riêng bà. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà thừa nhận thời điểm cấp giấy là cấp cho vợ chồng, khi đăng ký cấp giấy bà không bị ép buộc để ông D cùng đứng tên giấy, đồng thời bà cũng thừa nhận bà để chồng cùng đứng tên

chung do muốn giữ hạnh phúc gia đình, cho nên việc bà cho rằng đây là tài sản riêng của bà là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà T thừa nhận đó là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, nhưng cho rằng ông D không có đóng góp gì đối với tài sản mà chủ yếu là do phía bà T và yêu cầu tính công sức đóng góp bà T nhiều hơn ông D theo kỷ phần nguyên đơn 6 và bị đơn 4 nhưng phía nguyên đơn cũng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh đối với yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Đối với kháng cáo về cấp dưỡng:

Đối với phần cấp dưỡng nuôi con, bị đơn ông Huỳnh Phúc D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng và cấp dưỡng hàng tháng, xét thấy việc tự nguyện này không trái với quy định của pháp luật và phù hợp nên được ghi nhận, nên việc kháng cáo yêu cầu của bà T về vấn đề cấp dưỡng là không có căn cứ để xem xét. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm có thiếu sót là không xác định mốc thời gian bắt đầu tính cấp dưỡng, tại phiên tòa phúc thẩm cần bổ sung và mốc thời gian được tính từ lúc anh D không trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu Huỳnh Ngọc Đtính từ tháng 9 năm 2021.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- Về án phí:

Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị T không được chấp nhận nên bà T phải án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Phúc D.

2/ *Về con chung*: giao cháu Huỳnh Ngọc Đ (nữ), sinh ngày 26/12/2018 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) đến khi con tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2021.

Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông D không ai có quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có yêu cầu của các đương sự.

3/ Về tài sản chung: Giao cho bà Nguyễn Thị T được toàn quyền sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 1444, TBĐ 05, theo giấy chứng nhận QSDĐ số CR819092, số vào sổ CS03808, diện tích 50m^2, loại đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại ấp L, xã T1, huyện P, TP. Cần Thơ do Sở Tài nguyên và môi trường cấp ngày 11/9/2019, chỉnh lý chuyển nhượng sang tên ông Huỳnh Phúc D và bà Nguyễn Thị T ngày 26/3/2021. Bà T có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Phúc D số tiền 458.890.000đồng (bốn trăm năm mươi tám triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng).

4/ Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5/ *Về án phí sơ thẩm*:

+ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 300.000đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007037 ngày 03/11/2021của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 22.355.600đồng (hai mươi hai triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm đồng). Ông D phải chịu 22.355.600đồng (hai mươi hai triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm đồng), ông D được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007137, ngày 01/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, Tp. Cần Thơ, ông D còn phải nộp thêm 1.355.600đồng (Một triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm đồng).

+ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí đo đạc, định giá và lấy bản vẽ là 6.000.000 đồng. Ông D đã nộp tạm ứng số tiền 6.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn được chấp nhận một

phần nên nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu 3.000.000 đồng. Bà T phải trả lại cho ông D số tiền 3.000.000 đồng.

+ Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0007618 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND-TPCT;
- TAND H. Phong Điền;
- Chi cục THADS H. Phong Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hoàng Dũng